

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY

Căn cứ Điều 212; 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 394/2020/TLST ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971.

Anh Bùi Hồng S, sinh năm 1965.

Trú tại: P515, Tập thể N, tổ 26, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh T và anh Bùi Hồng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội ngày 12/01/1998. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay anh chị xác định mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, cùng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thanh T và anh Bùi Hồng S cùng thống nhất xác nhận trong thời kỳ hôn nhân có 02 (Hai) con chung là cháu Bùi Minh N1, sinh

năm 1999 và cháu Bùi Minh K, sinh ngày 10/5/2006. Cháu Bùi Minh N1 hiện đã trưởng thành, việc sống với ai do cháu lựa chọn. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh S giao cháu Bùi Minh K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S, kể từ tháng 9 năm 2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

[3] Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Chị Nguyễn Thanh T và anh Bùi Hồng S thống nhất tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thanh T chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của anh Bùi Hồng S. Tổng cộng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nay chuyển thành lệ phí.

Ngoài ra chị T và anh S không có yêu cầu nào khác.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh T và anh Bùi Hồng S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thanh T và anh Bùi Hồng S cùng thống nhất xác định trong thời kỳ hôn nhân có 02 (Hai) con chung là cháu Bùi Minh N1, sinh năm 1999 và cháu Bùi Minh K, sinh ngày 10/5/2006. Cháu Bùi Minh N1 hiện đã trưởng thành, việc sống với ai do cháu lựa chọn. Ly hôn, ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh S giao cháu Bùi Minh K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S, kể từ tháng 9 năm 2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Chị Nguyễn Thanh T và anh Bùi Hồng S thống nhất tự thỏa thuận nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thanh T chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của anh Bùi Hồng S. Tổng cộng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng lệ phí chị Nguyễn Thanh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy theo biên lai thu số 0003571 ngày 24/7/2020. Nay chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Dương sự;
- VKSND quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
- UBND phường N, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 12/01/1998, Quyển số 01);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thu Hằng